

## Chi tiết thủ tục hành chính

**Mã thủ tục:** 1.010056

**Số quyết định:** 937/QĐ-BCT

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA

**Cấp thực hiện:** Cấp Bộ, Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Xuất nhập khẩu

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: - Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn). - Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn), hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O, hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O và nộp phí C/O. Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau: 1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O; 2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung); 3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này); 4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng; 5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết). Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O. Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O trên hệ thống eCoSys hoặc ký cấp tay C/O giấy. Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
|---------------|---------------------|-------------|-------|
|               |                     |             |       |

|                   |        |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------|--------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trực tiếp         | 8 Giờ  | Phí :<br>(Theo quy định của Bộ Tài chính) | - Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.                                                                                                                                                                                                                                            |
| Trực tuyến        | 6 Giờ  | Phí :<br>(Theo quy định của Bộ Tài chính) | - Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử: +) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống eCoSys; +) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy. |
| Dịch vụ bưu chính | 24 Giờ | Phí :<br>(Theo quy định của Bộ Tài chính) | - Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.                                                                                                                                                                                                                                                                |

### Thành phần hồ sơ:

#### Bao gồm

| Tên giấy tờ                                                                                                                                                                   | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------|
| 1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:                                                                                                                                             |                  | Bản chính: 0<br>Bản sao: 0 |
| - Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP); | MẪU 01.docx      | Bản chính: 1<br>Bản sao:   |

|                                                                                                                                                                                  |             |                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|
|                                                                                                                                                                                  |             | 0                          |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);                                                                                         |             | Bản chính: 0<br>Bản sao: 0 |
| - Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);                                                     | MẪU 02.docx | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |
| - Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).                                                                | MẪU 03.docx | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |
| 2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:                                                                                                                                                |             | Bản chính: 0<br>Bản sao: 0 |
| 2.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:                             |             | Bản chính: 0<br>Bản sao: 0 |
| a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ (Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);                                          | MẪU 04.docx | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |
| c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp bản sao tờ khai hải quan; |             | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------|
| d) Bản sao hoá đơn thương mại (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  | Bản chính: 0<br>Bản sao: 1 |
| đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế; |  | Bản chính: 0<br>Bản sao: 1 |
| e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi theo mẫu tương ứng do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT);                                                                                                                                            |  | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |
| g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT);                                              |  | Bản chính: 1<br>Bản sao: 0 |
| h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | Bản chính: 0<br>Bản sao: 1 |
| Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ thương mại dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.                                                                                                                       |  | Bản chính: 0<br>Bản sao: 0 |
| 2.2. Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  | Bản chính: 0               |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | Bản sao:<br>0                    |
| - Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục 2.1.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  | Bản<br>chính: 0<br>Bản sao:<br>0 |
| - Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ, mục 2.1. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp C/O nêu tại các điểm e, điểm g và điểm h, mục 2.1 có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 2 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.                                                                                                                                                                                     |  | Bản<br>chính: 0<br>Bản sao:<br>0 |
| 2.3. Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ mục 2.1, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn này nếu thương nhân không bổ sung chứng từ, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                     |  | Bản<br>chính: 0<br>Bản sao:<br>0 |
| Cơ quan giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế thành phần hồ sơ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Cơ quan giải quyết TTHC không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu doanh nghiệp bổ sung Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu |  | Bản<br>chính: 0<br>Bản sao:<br>0 |

**Đối tượng thực hiện:** Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Cục Xuất nhập khẩu

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu                 | Trích yếu                                                                                                                    | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| 31/2018/NĐ-CP              | Nghị định 31/2018/NĐ-CP                                                                                                      | 08-03-2018    |                  |
| 05/2018/TT-BCT             | Thông tư 05/2018/TT-BCT                                                                                                      | 03-04-2018    |                  |
| Thông tư số 40/2025/TT-BCT | Thông tư số 40/2025/TT-BCT                                                                                                   | 22-06-2025    | Bộ Công thương   |
| 66.7/2025/NQ-CP            | Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu | 15-11-2025    |                  |
| 12/2026/TT-BCT             | Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương                                       | 09-03-2026    | Bộ Công thương   |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin